TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/DS-ST
Ngày: 15-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1042/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 24/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P ; trụ sở tại: Số 2 N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Anh T và/hoặc ông Nguyễn Khắc H; cùng địa chỉ: Số 2 đường Đ, khu phố 1, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2024), có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1990; địa chỉ: 2, tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và bà Trịnh Nguyễn Trang T, sinh năm 1990; địa chỉ: Lô B, Ô 1, Khu dân cư C, đường T, tổ 9, khu phố 1, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; cùng cư trú tại: Căn hộ chung cư số B1, chung cư S, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP P và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP P (gọi tắt Ngân hàng P) đã cho ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 6194/22MN/HĐTD ngày 10/02/2022; Hợp đồng tín dụng số 6195/22MN/HĐTD ngày 10/02/2022; Đề

nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6194/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022; Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6195/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 03/10/2023; như sau:

Về Hợp đồng tín dụng:

TT	Hợp đồng tín dụng	Khế ước nhận nợ	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi suất	Số tiền giải ngân
01	6194/22MN/HĐTD	6194/22MN/HĐTD/KUNN01	14/02/2022	14/02/2024	8.5%/năm	2.000.000.000 đồng
02	6195/22MN/HĐTD	6195/22MN/HĐTD/KUNN01	14/02/2022	14/02/2024	8.5%/năm	1.300.000.000 đồng

Về Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ:

TT	Đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng	Ngày	Hạn mức thẻ tín dụng
01	Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 03/10/2023	03/10/2023	200.000.000 đồng

Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6194/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022; Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6195/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 03/10/2023.

Mục đích sử dụng vốn: Mua thửa đất số 350+351, tờ bản đồ số 41, toạ lạc tại xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và tiêu dùng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 41, toạ lạc xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 535431, số vào sổ cấp GCN: CS05080 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/11/2021, cập nhật biến động sang tên ông Lê Hồng Q ngày 18/02/2022; theo Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 6079/22MN/HĐBĐ ngày 22/02/2022; được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Lê Đình Thao, số công chứng 747, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng ngày 23/02/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 351, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 535432, số vào sổ cấp GCN: CS05081 do Sở Tài nguyên và Môi trường

Tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/11/2021, cập nhật biến động sang tên ông Lê Hồng Q ngày 18/02/2022; Theo Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 6078/22MN/HĐBĐ ngày 22/02/2022; được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Lê Đình Thao, số công chứng 748, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng ngày 23/02/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận. Ngân hàng P đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông Q, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Ngân hàng P yêu cầu ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T thanh toán số tiền tính đến ngày 14/4/2025 tổng cộng là 4.175.849.605; trong đó: Nợ khoản vay hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 3.300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 503.322.176 đồng; lãi quá hạn: 54.462.536 đồng, tổng cộng: 3.857.784.712 đồng. Nợ khoản thẻ tín dụng gồm: Nợ gốc 194.516.235; nợ lãi: 28.183.438 đồng; phí: 95.365.220 đồng, tổng cộng 318.064.893 đồng.

- Từ ngày 15/4/2025 trở đi ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng P.

* *Đối với bị đơn ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T*: Ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Căn cứ và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T hiện cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để thanh toán khoản tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Việc bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng được xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét các Hợp đồng tín dụng số 6194/22MN/HĐTD ngày 10/02/2022; Hợp đồng tín dụng số 6195/22MN/HĐTD ngày 10/02/2022 và Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 03/10/2023 được ký kết giữa Ngân hàng P với bị đơn là hợp pháp. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân theo Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6194/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022, Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6195/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nhưng không được Ngân hàng P cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu ông Q và bà T thanh toán khoản nợ là có căn cứ chấp nhận. Tổng khoản nợ ông Q và bà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng P tính đến hết ngày 14/4/2025 tổng cộng là 4.175.849.605; trong đó: Nợ khoản vay hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 3.300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 503.322.176 đồng; lãi quá hạn: 54.462.536 đồng; tổng cộng: 3.857.784.712 đồng. Nợ khoản thẻ tín dụng gồm: Nợ gốc 194.516.235; nợ lãi: 28.183.438 đồng; phí: 95.365.220 đồng, tổng cộng 318.064.893 đồng.

[2.2] Tiền lãi từ ngày 15/4/2025 trở đi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ; Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ tương ứng với số ngày quá hạn cho đến khi ông Q, bà T thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng P.

[2.3] Xét giao dịch bảo đảm: Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 6079/22MN/HĐBĐ ngày 22/02/2022 và Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 6078/22MN/HĐBĐ ngày 22/02/2022 đã được các bên ký kết hợp pháp, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông Q, bà T không thanh toán được các khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền

yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Phần chênh lệch thừa (nếu có) sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo đảm sẽ được hoàn trả lại cho bên thế chấp. Trường hợp số tiền thu từ việc phát mãi tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Q và bà T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng P khoản nợ còn lại. Trường hợp ông Q và bà T trả xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng P có trách nhiệm trả lại cho ông Q và bà T các bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Bị đơn ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 317, 318, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1. Buộc ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền tính đến hết ngày 14/4/2025 tổng cộng là 4.175.849.605 (bốn tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm lẻ năm đồng); trong đó: Nợ khoản vay hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 3.300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 503.322.176 đồng; lãi quá hạn: 54.462.536 đồng, tổng cộng: 3.857.784.712 đồng. Nợ khoản thẻ tín dụng gồm: Nợ gốc 194.516.235; nợ lãi: 28.183.438 đồng; phí: 95.365.220 đồng, tổng cộng 318.064.893 đồng.

1.2. Tiền lãi từ ngày 15/4/2025 trở đi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6194/22MN/HĐTD ngày 10/02/2022; Hợp đồng tín dụng số 6195/22MN/HĐTD ngày 10/02/2022; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 03/10/2023; Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6194/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022; Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6195/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/02/2022 tương ứng với số ngày quá hạn cho đến khi ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng TMCP P.

1.3. Trường hợp ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T không thanh

toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 351, tờ bản đồ số 41, toạ lạc tại xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 535432, số vào sổ cấp GCN: CS05081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/11/2021, cập nhật biến động sang tên ông Lê Hồng Q ngày 18/02/2022; theo Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 6078/22MN/HĐBĐ ngày 22/02/2022; được Công chứng tại Văn Phòng Công chứng Lê Đình Thao ngày 22/02/2022 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng ngày 23/02/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 41, toạ lạc tại xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 535431, số vào sổ cấp GCN: CS05080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/11/2021, cập nhật biến động sang tên ông Lê Hồng Q ngày 18/02/2022; theo Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 6079/22MN/HĐBĐ ngày 22/02/2022; được Công chứng tại Văn Phòng Công chứng Lê Đình Thao ngày 22/02/2022 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng ngày 23/02/2022.

Số tiền phát mãi tài sản chỉ bảo đảm cho nghĩa vụ được quy định tại các Hợp đồng tín dụng; Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ; Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (mục 1.2 của Quyết định), phần chênh lệch thừa (nếu có) sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo đảm sẽ được hoàn trả lại cho bên thế chấp. Trường hợp số tiền thu từ việc phát mãi tài sản không đủ thanh toán khoản nợ thì ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP P khoản nợ còn lại.

1.4. Trường hợp ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T trả xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP P có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 535432, số vào sổ cấp GCN: CS05081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/11/2021, cập nhật biến động sang tên ông Lê Hồng Q ngày 18/02/2022 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 535431, số vào sổ cấp GCN: CS05080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/11/2021 cập nhật biến động sang tên ông Lê Hồng Q ngày 18/02/2022 .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T phải chịu 112.175.850 đồng.

2.2. Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 54.960.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008545 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lê Hồng Q và bà Trịnh Nguyễn Trang T phải nộp 1.000.000 đồng, để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sinh